TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐT-ST
Ngày: 28/01/2021
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N,
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Loan

Bà Nguyễn Thị Thật

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 725/2020/HNGĐ - ST ngày 01/12/2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST – HNGĐ ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện N giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1983
Địa chỉ: tổ 6, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đ.
Địa chỉ liên lạc: 1408/20/3 đường Lý Thái Tổ, ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đ.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1980
Địa chỉ: tổ 6, ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đ

(chị Th có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2020, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L sinh ra và lớn lên tại địa phương xã xã P, huyện N. Anh chị chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003 cho đến

nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc do anh chị thường xuyên cãi nhau, vì anh L không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị và anh L sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

Về con chung: Chị Th khai có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/7/2010. Hiện nay cháu V, cháu T đang sống với chị, chị xin được nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 14/12/2020 của bị đơn anh Nguyễn Hoàng L và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị Th về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Do anh chị chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Th.

Về con chung: Anh L khai có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/7/2010. Hiện nay cháu V, cháu Tđang sống với chị Th, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:

Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Ltheo quy định.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Th; xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh L.

Về con chung: các đương sự thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/7/2010 cho chị Thắm nuôi dưỡng. Do chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Bùi Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L. Xét thấy chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Hoàng L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị không được xem là hôn nhân hợp pháp nên quan hệ pháp luật được xác định là "Không công nhận quan hệ vợ chồng".

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự nhưng anh L vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh L theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Th thì thấy:

Chị Th và anh L xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn.Theo kết quả xác minh tại UBND xã P, huyện N xác nhận chị Th và anh L chung sống như vợ chồng từ năm 2003 và có 02 con chung là Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/7/2010 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét thấy, chị Th, anh L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị không được xem là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của chị Th và đề nghị của anh L về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là có căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Th, anh L khai có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/7/2010. Hiện nay cháu V, cháu T đang sống với chị Thắm và anh chị thống nhất giao 02 con chung cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th, anh L khai không có tạo lập tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Th, anh L khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Bùi Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 266, 267, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Th đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng L về việc " Không công nhận quan hệ vợ chồng".

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Hoàng L.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 12/4/2005 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 26/7/2010 cho chị Th nuôi dưỡng. Tạm thời anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0001113 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Th đã nộp xong.

Chị Th được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh ĐN;
- VKS, THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm thán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lợi